

Số: 1460/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng
CNTT Nâng cao cho các học viên thi Đợt tháng 4/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân v/v bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-ĐHDT ngày 10/02/2022 về việc thành lập Hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ Thông tin Cơ bản và Nâng cao năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 22/3/2022 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao Đợt tháng 4 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao cho:

+ 160 học viên thi Đợt tháng 4/2022 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- P. Đào tạo;
- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

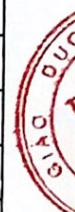
TS. Nguyễn Phi Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - ĐỢT THÁNG 4/2022
SỐ LƯỢNG: 160 Chứng chỉ

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 1460 /QĐ-ĐHDT ngày 21 tháng 4 năm 2022

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THƯỞ	GHI CHÚ
1	24202101980	Võ Nguyễn Thảo	Chi	08/08/2000	Quảng Ngãi	26CHT3	9.3	6.3	
2	24207102464	Cao Thiên	Nga	17/12/2000	Quảng Nam	26CHT4	6.3	7.4	
3	2321529171	Hoàng Minh	Nhật	09/01/1999	Quảng Trị	26CHT4	8.7	6.5	
4	24202113873	Hoàng Thị Huyền	Trang	14/05/2000	Thanh Hóa	26SBN3	8.3	5.0	
5	24202611930	Cao Thị Uyên	Nhi	31/01/2000	Gia Lai	26SHT3	7.3	5.4	
6	24207116638	Võ Huỳnh Thảo	Quyên	13/03/2000	Đà Nẵng	26SSC2	5.3	5.8	
7	25202612388	Vũ Thị	Lệ	26/10/2001	Nam Định	26TBN10	5.3	7.9	
8	24208605662	Đinh Thị Minh	Lượng	18/08/2000	Quảng Nam	26TBN10	6.0	5.8	
9	2321523864	Lê Hoàng	Nam	14/09/1997	Quảng Nam	26TBN3	7.7	5.5	
10	25205115764	Võ Thị Lê	Trâm	13/07/2001	Phú Yên	26TBN4	8.0	5.9	
11	24207104360	Phạm Thị Việt	Trinh	12/04/2000	Quảng Nam	26TBN7	7.3	5.3	
12	24205107413	Trần Thị Thùy	Giang	10/03/2000	Nghệ An	26TBN8	7.0	5.5	
13	24203204757	Lê Thị Hoài	Ly	09/02/2000	Quảng Nam	26THT10	9.0	5.5	
14	25202605471	Đinh Thị Thảo	Vy	16/09/2001	Quảng Nam	26THT10	6.7	6.0	
15	25202616204	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	28/12/2001	Quảng Nam	26THT10	9.3	9.8	
16	24215206526	Nguyễn Đức	Trọng	25/11/2000	Khánh Hòa	26THT11	5.3	5.0	
17	24202703613	Trần Thị Thảo	Vân	10/02/2000	Bình Định	26THT11	7.0	8.3	
18	24202111282	Trương Thị Thùy	Ly	03/03/2000	Gia Lai	26THT4	10.0	5.0	
19	2321711596	Nguyễn Lê Hoàng	Hào	25/12/1999	Gia Lai	26TSC6	7.0	5.8	
20	24203105414	Trần Thị	Địu	10/09/2000	Quảng Bình	26TSC9	8.0	8.8	
21	24203104355	Trần Quỳnh	Quyên	24/08/2000	Bình Định	26TSC9	7.0	6.5	
22	24205402533	Phạm Minh	Hào	28/01/2000	Phú Yên	26TYC11	7.3	6.8	
23	24203203540	Trần Thị Ngọc	Hoa	26/02/2000	Quảng Nam	26TYC3	8.0	5.1	
24	24202401386	Huỳnh Thị Thu	Thảo	20/03/2000	Quảng Ngãi	26TYC8	5.7	5.5	
25	24216600743	Nguyễn Văn	Cường	26/04/1999	Phú Yên	27CHT2	5.7	5.5	
26	24205116048	Lê Quỳnh	Diễm	15/02/2000	Quảng Ngãi	27CHT2	9.3	6.8	
27	24217206489	Hồ Việt	Dũng	21/01/2000	Quảng Nam	27CHT2	7.0	6.8	



Handwritten signature and initials

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỶ	GHI CHÚ
28	2320210788	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	15/01/1999	Bình Định	27CHT2	5.0	5.9	
29	24207102288	Phan Thị Thu	Hiền	24/09/2000	Quảng Trị	27CHT2	9.3	6.4	
30	24207108024	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	09/10/2000	Quảng Nam	27CHT2	8.7	9.4	
31	24207215755	Phạm Thị Khánh	Ly	05/02/2000	Quảng Trị	27CHT2	9.3	7.3	
32	24207206720	Nguyễn Thị Thu	Nga	11/10/2000	Quảng Nam	27CHT2	9.3	5.3	
33	24207212177	Lâm Thị Quỳnh	Như	19/05/2000	Quảng Ngãi	27CHT2	8.0	5.8	
34	24207115142	Đoàn Thị Yến	Nhung	19/08/2000	Đà Nẵng	27CHT2	8.3	6.3	
35	24207116046	Lê Thị Lam	Phượng	10/09/2000	Quảng Nam	27CHT2	9.3	8.8	
36	24207116205	Hoàng Thị Minh	Sang	24/08/2000	Quảng Nam	27CHT2	8.7	6.6	
37	24205212884	Lê Thị Kim	Tài	16/04/2000	Đắk Lắk	27CHT2	9.3	5.9	
38	24207200028	Trần Huỳnh Thu	Thảo	27/09/2000	Bình Định	27CHT2	8.7	5.0	
39	24207200150	Nguyễn Thị Mộng	Thơ	06/07/2000	Bình Định	27CHT2	9.0	5.6	
40	24207108500	Nguyễn Ngọc Phương	Thoa	04/08/2000	Đắk Nông	27CHT2	8.3	5.4	
41	24207100621	Phan Hoàng Cẩm	Thương	01/09/2000	Quảng Nam	27CHT2	8.3	7.8	
42	24207215280	Phạm Hà Khuê	Tú	04/12/2000	Đà Nẵng	27CHT2	8.0	5.0	
43	24207202185	Lê Thị Thúy	Vi	26/02/2000	Quảng Nam	27CHT2	7.3	7.4	
44	24202605807	Trần Thị Minh	Hằng	23/04/2000	Đà Nẵng	27CSC1	8.3	6.3	
45	24212216381	Trịnh Hoàng	Hòa	01/05/2000	Đắk Lắk	27CSC1	9.0	8.3	
46	24203105296	Nguyễn Thị Hồng	Lê	23/10/2000	Đắk Lắk	27CSC1	9.7	7.4	
47	24202607208	Hoàng Nguyễn Phương	Nhi	10/09/1999	Thừa Thiên Huế	27CSC1	7.3	5.0	
48	24202604184	Nguyễn Trần Phương	Thảo	05/12/2000	Đà Nẵng	27CSC1	9.0	6.0	
49	24205104511	Nguyễn Thị Phúc	Nhi	08/08/2000	Quảng Bình	27CYC1	7.3	5.0	
50	24202201382	Đoàn Thị Kỳ	Duyên	18/02/2000	Quảng Nam	27CYC2	7.0	5.4	
51	24202707225	Nguyễn Thị Ngân	Hà	05/05/2000	Đắk Lắk	27CYC2	9.7	6.3	
52	24212716884	Trần Văn	Hà	13/11/1996	Đà Nẵng	27CYC2	8.0	5.9	
53	25207115837	Trần Thị Bảo	Hiếu	07/11/2001	Quảng Nam	27CYC2	6.7	5.4	
54	24205105877	Cao Thúy	Kiều	15/03/2000	Gia Lai	27CYC2	7.0	6.8	
55	24202107091	Nguyễn Thị Hương	Ly	11/03/2000	Quảng Nam	27CYC2	7.7	9.4	
56	24202112407	Nguyễn Thị Hồng	Phước	16/06/2000	Quảng Ngãi	27CYC2	9.0	5.6	
57	24201200817	Trần Thị Thanh	Tâm	26/05/1999	Quảng Nam	27CYC2	8.0	5.5	
58	24202715816	Trương Thị Thúy	Thịnh	30/11/2000	Gia Lai	27CYC2	9.7	7.1	
59	24202715815	Vũ Thủy	Trang	11/01/2000	Gia Lai	27CYC2	8.0	7.3	

Handwritten signature

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
60	24208608729	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	26/10/2000	Gia Lai	27SBN1	7.7	8.3	
61	24207208289	Ngô Thị Ngọc	Diễm	25/10/2000	Quảng Nam	27SBN1	6.3	6.0	
62	24212109452	Võ Tấn	Đức	25/12/2000	Đà Nẵng	27SBN1	6.0	5.3	
63	25202109737	Nguyễn Thị Kim	Dung	17/05/2001	Kon Tum	27SBN1	7.0	5.3	
64	25202111722	Phan Lê Khánh	Hiệp	21/10/2001	Quảng Trị	27SBN1	6.0	6.8	
65	24207105942	Phạm Thị Mây	Linh	24/04/2000	Quảng Nam	27SBN1	7.3	5.4	
66	24207215127	Nguyễn Diệu	Quỳnh	12/01/2000	Đà Nẵng	27SBN1	5.3	7.3	
67	25202113965	Hồ Thị Mai	Sim	14/03/2001	Nghệ An	27SBN1	6.7	8.1	
68	25202101209	Trương Thị Thanh	Thanh	10/04/2001	Đắk Lắk	27SBN1	8.3	6.5	
69	24207213216	Đặng Thị Thu	Thảo	19/06/2000	Quảng Nam	27SBN1	8.7	7.8	
70	25202104885	Nguyễn Châu Kim	Thi	15/11/2001	Gia Lai	27SBN1	7.0	5.0	
71	24203105145	Lê Trần Ngọc	Trâm	22/08/2000	Quảng Nam	27SBN1	9.3	6.8	
72	24202715232	Nguyễn Thị Bích	Trâm	24/10/2000	Đà Nẵng	27SBN1	9.7	7.0	
73	24207102453	Trần Thị Ái	Trâm	22/12/2000	Quảng Nam	27SBN1	8.0	5.4	
74	24207116188	Nguyễn Hà	Yên	26/01/2000	Phú Thọ	27SBN1	9.3	6.5	
75	24207104171	Đặng Thị Lan	Anh	01/01/2000	Hà Tĩnh	27SHT1	8.3	6.3	
76	24202506074	Trần Thu	Huyền	05/10/2000	Đà Nẵng	27SYC1	8.7	5.8	
77	24207102624	Võ Hoài	Thu	08/11/2000	Đắk Lắk	27TBN1	6.3	6.8	
78	25202701408	Lê Thị Mỹ	Hạnh	20/09/2001	Quảng Ngãi	27TBN2	9.0	7.4	
79	24205207470	Nguyễn Minh	Anh	23/08/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN5	8.3	7.3	
80	24202515419	Hồ Thị Thu	Hạ	13/08/2000	Đà Nẵng	27TBN5	9.0	7.1	
81	24205204683	Lê Thị Thúy	Hằng	25/06/2000	Đà Nẵng	27TBN5	8.0	5.4	
82	24215409843	Lưu Quang	Hiển	01/04/1994	Quảng Nam	27TBN5	9.0	10.0	
83	25203300278	Dương Thị	Huyền	06/07/2000	Hà Tĩnh	27TBN5	8.0	7.8	
84	24205110819	Đỗ Thị Quỳnh	Lâm	02/06/2000	Bình Định	27TBN5	9.3	8.8	
85	24202515543	Lê Thị Khánh	Ly	26/11/2000	Đà Nẵng	27TBN5	8.3	5.0	
86	24205206405	Từ Thị Thanh	Ngân	01/01/2000	Quảng Nam	27TBN5	8.7	6.5	
87	24207216736	Phan Thị Thanh	Nhi	21/07/2000	Đà Nẵng	27TBN5	9.7	5.3	
88	24205416194	Trương Yến	Nhi	02/04/2000	Quảng Nam	27TBN5	8.3	9.8	
89	25203304867	Huỳnh Thị Yến	Nhung	12/03/2001	Quảng Nam	27TBN5	7.3	7.5	
90	24202107654	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	06/06/2000	Đà Nẵng	27TBN5	8.0	5.8	
91	25202108807	Lê Anh	Thao	03/12/2001	Đà Nẵng	27TBN5	8.0	5.3	

Nguyễn Anh

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THỬ	GHI CHÚ
92	24205114200	Phạm Nguyễn Phương	Triều	17/07/2000	Phú Yên	27TBN5	9.3	8.8	
93	24207116441	Nguyễn Thị Tường	Vi	04/09/2000	Đà Nẵng	27TBN5	9.7	6.8	
94	24205408387	Nguyễn Ngọc Kiều	Vy	22/09/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN5	7.3	9.0	
95	24205116225	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	30/10/2000	Kon Tum	27TBN5	9.7	8.5	
96	24205303677	Lê Hoàng	Châu	20/09/2000	Đà Nẵng	27TBN6	8.7	8.3	
97	24205309344	Trần Mỹ	Duyên	18/10/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN6	9.3	7.8	
98	24215310663	Nguyễn Giáp	Khoa	28/04/2000	Thừa Thiên Huế	27TBN6	9.0	9.3	
99	24215310820	Đỗ Xuân Bảo	Lâm	17/02/2000	Đà Nẵng	27TBN6	7.7	7.4	
100	24205308569	Huỳnh Khánh	Linh	29/07/2000	Đà Nẵng	27TBN6	8.7	10.0	
101	24205313391	Nguyễn Thị Hồng	Thom	20/08/2000	Quảng Ngãi	27TBN6	9.0	9.3	
102	25202611836	Nguyễn Thị	Hoài	02/08/2001	Hà Tĩnh	27THT1	9.7	9.5	
103	25202616469	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	08/08/2001	Quảng Trị	27THT1	7.3	7.5	
104	25202616331	Nguyễn Khánh	Nhung	08/10/2001	Quảng Trị	27THT1	9.3	9.5	
105	25202613626	Trần Thị Hồng	Phúc	06/11/2001	Huế	27THT1	9.3	8.8	
106	24202102324	Nguyễn Thị Hoàng	Thư	01/11/2000	Quảng Nam	27THT1	8.3	6.5	
107	24208602497	Phan Thị Thanh	Nga	23/06/2000	Bình Định	27THT4	9.7	7.3	
108	25217216562	Ngô Quang	Huy	05/05/2001	Đà Nẵng	27THT5	7.0	6.3	
109	25203302618	Bùi Thị	Huyền	02/05/2001	Quảng Trị	27THT5	8.3	5.0	
110	24206600161	Võ Ngọc	Khanh	06/07/2000	Bến Tre	27THT5	5.0	5.8	
111	25205206010	Phạm Thị Thúy	Lài	26/12/1996	Quảng Nam	27THT5	9.7	10.0	
112	25207204394	Lê Nguyễn Mộc	Miễn	31/10/2001	Đà Nẵng	27THT5	7.3	6.3	
113	25205206014	Đoàn Thị Ngọc	Nguyên	21/06/1996	Quảng Nam	27THT5	9.0	6.0	
114	25213301888	Lê Thành	Nhân	04/01/1998	Đà Nẵng	27THT5	6.3	9.3	
115	25213304393	Bùi Hoàng	Phú	10/09/2000	Đà Nẵng	27THT5	8.3	6.8	
116	24215206340	Mai Hoàng	Phương	31/01/2000	Đà Nẵng	27THT5	6.7	5.4	
117	24206612815	Nguyễn Nữ Minh	Sâm	07/10/2000	Quảng Ngãi	27THT5	8.7	6.8	
118	25205206018	Nguyễn Thị Thu	Thanh	27/11/1995	Kon Tum	27THT5	10.0	5.5	
119	25207207980	Trần Kim	Thảo	21/01/2001	Đà Nẵng	27THT5	5.7	9.3	
120	24202604017	Nguyễn Thị Hoài	Thương	19/11/2000	Quảng Nam	27THT5	6.3	6.8	
121	24217116887	Nguyễn Hoàng	Tiến	21/07/2000	Quảng Nam	27THT5	8.0	6.8	
122	24207102334	Nguyễn Tổ	Trân	18/09/2000	Đà Nẵng	27THT5	8.3	5.0	
123	24206601632	Bùi Thị Kiều	Trình	06/03/2000	Quảng Ngãi	27THT5	8.7	7.0	

Handwritten signature

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
124	24207107511	Đinh Thị	Trung	16/12/2000	Đà Nẵng	27THT5	8.7	8.5	
125	24212201025	Lê Quang	Văn	09/12/1999	Quảng Nam	27THT5	8.3	5.4	
126	24203106874	Lê Khánh	Vi	16/08/2000	Quảng Nam	27THT5	7.7	5.0	
127	25213317685	Hồ Kỳ	Vi	27/08/2001	Đà Nẵng	27THT5	8.7	7.3	
128	24205214820	Huỳnh Thị Hà	Vy	18/01/2000	Gia Lai	27THT5	6.7	7.5	
129	24207207591	Phạm Khánh	Vy	03/12/2000	Quảng Nam	27THT5	7.7	5.5	
130	24212109238	Nguyễn	Dũng	06/12/2000	Thừa Thiên Huế	27TSC3	6.0	6.8	
131	24202102979	Huỳnh Thị Thanh	Hà	21/04/2000	Thừa Thiên Huế	27TSC4	5.7	5.0	
132	24208602711	Thái Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	18/08/2000	Lâm Đồng	27TYC2	7.0	8.8	
133	24204306598	Võ Thị Trang	Nhung	22/12/2000	Quảng Trị	27TYC2	9.3	9.3	
134	24202500679	Lê Minh	Quỳnh	20/12/2000	Phú Yên	27TYC2	8.3	7.6	
135	24207213414	Võ Thị Trâm	Thu	30/04/2000	Quảng Nam	27TYC2	7.3	5.5	
136	24212103840	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	07/02/2000	Đắk Lắk	27TYC3	7.0	5.8	
137	24211710980	Ngô Văn	Linh	19/06/2000	Đắk Lắk	27TYC3	7.3	7.8	
138	24205105175	Huỳnh Thị Bích	Chiều	24/07/2000	Quảng Nam	27TYC4	6.0	5.0	
139	24205308653	Hồ Lan	Anh	12/08/2000	Quảng Nam	27TYC5	9.0	9.5	
140	24205409174	Lương Ngọc	Diệu	15/09/2000	Hồ Chí Minh	27TYC5	7.3	5.0	
141	2220532435	Nguyễn Trà	Giang	25/03/1998	Nghệ An	27TYC5	8.3	8.9	
142	24207115388	Đinh Thị Vân	Hà	22/08/2000	Đà Nẵng	27TYC5	7.3	9.5	
143	24205407847	Tôn Nữ Gia	Hân	11/01/1999	Đà Nẵng	27TYC5	6.0	6.8	
144	24202215439	Hà Tĩnh	Hiếu	10/10/2000	Hồ Chí Minh	27TYC5	7.0	5.0	
145	24205407600	Nguyễn Ngọc	Hồng	08/07/2000	Đắk Lắk	27TYC5	8.3	7.5	
146	24203104640	Phan Thị Thanh	Hồng	23/09/2000	Quảng Nam	27TYC5	8.7	7.5	
147	24205410512	Trương Thị	Hường	11/09/2000	Quảng Bình	27TYC5	8.0	6.3	
148	24202411287	Lê Thị Thiên	Lý	08/04/2000	Quảng Nam	27TYC5	6.3	7.5	
149	24216116391	Trần Công	Minh	22/07/2000	Quảng Nam	27TYC5	7.0	8.1	
150	24205412162	Võ Thị Mỹ	Nhung	08/07/2000	Phú Yên	27TYC5	8.0	8.0	
151	24203112235	Hứa Hoàng	Ny	28/11/2000	Quảng Nam	27TYC5	5.7	8.1	
152	24202416161	Phạm Thị Mỹ	Phương	08/02/2000	Đà Nẵng	27TYC5	7.7	9.0	
153	25207216745	Hồ Thị Tuyết	Sương	20/02/2001	Phú Yên	27TYC5	7.0	7.8	
154	24207101888	Lê Thanh	Thảo	03/09/2000	Gia Lai	27TYC5	8.7	7.5	
155	24202104999	Nguyễn Anh	Thu	09/04/2000	Quảng Nam	27TYC5	6.7	5.0	

Handwritten signature and date

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
156	25202604316	Nguyễn Đình Thủy	Trình	24/10/2001	Đà Nẵng	27TYC5	8.3	7.6	
157	24207102397	Phạm Thị Mỹ	Trúc	17/09/2000	Quảng Nam	27TYC5	6.0	6.0	
158	24205114259	Huỳnh Thị Ngọc	Trung	24/08/2000	Quảng Ngãi	27TYC5	7.7	5.8	
159	24211714334	Đoàn Ngọc	Tuấn	16/04/2000	Quảng Nam	27TYC5	6.7	5.0	
160	24217216890	Phạm Nguyễn Quang	Vinh	25/03/1996	Đà Nẵng	27TYC5	5.3	8.8	

Tổng số HV Đạt: 160

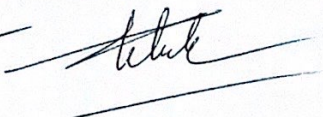
LẬP BẢNG

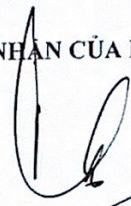
TRUNG TÂM TIN HỌC

XÁC NHẬN CỦA P. KH-TC

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



 Nguyễn Lê Quế Châu Dương Trương Quốc Khánh



 Mai Hoàng Hải TS. Nguyễn Phi Sơn